

## MỘT SỐ VƯỚNG MẮC TRONG QUÁ TRÌNH GIẢI QUYẾT CÁC TRANH CHẤP TẠI TÒA ÁN NHÂN DÂN VỀ BẢO HIỂM NHÂN THỌ

**THS. NGUYỄN TUẤN VŨ**

**Phó Chánh án Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội**

Trong giai đoạn hiện nay, cùng với sự phát triển của lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm thì các vụ tranh chấp về bảo hiểm ngày càng tăng về số lượng và mức độ phức tạp, trong khi đó Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 được Quốc hội thông qua ngày 19/12/2000, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/4/2001 và được sửa đổi, bổ sung năm 2010 (sau đây gọi tắt là Luật Kinh doanh bảo hiểm) mặc dù đã có nhiều Nghị định, Thông tư quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật này nhưng đã bộc lộ nhiều khiếm khuyết gây ra nhiều khó khăn cho các Tòa án khi giải quyết các vụ tranh chấp liên quan đến bảo hiểm nhân thọ.

Theo quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp về bảo hiểm nhân thọ là tranh chấp giữa cá nhân với tổ chức bảo hiểm không mang mục đích kinh doanh được thụ lý và giải quyết là vụ án dân sự, khác với các tranh chấp về hợp đồng bảo hiểm phi nhân thọ được ký bởi các cá nhân, tổ chức có mục đích lợi nhuận được thụ lý và giải quyết theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự là vụ án kinh doanh thương mại.

Trong thực tiễn giải quyết các vụ án về tranh chấp bảo hiểm nhân thọ tại Tòa án như sau, chúng tôi thấy có một số vấn đề cần đặc biệt lưu ý như sau:

### **1. Về hình thức, nội dung đơn khởi kiện**

Hình thức và nội dung đơn khởi kiện được thực hiện theo quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Một số Tòa án hiện nay thường không nắm vững tinh thần quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thường yêu cầu đương sự bổ sung nhiều giấy tờ không đúng như văn bản xác minh địa chỉ của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa đúng.

*Về các tài liệu nộp kèm theo đơn khởi kiện*

- Đối với cá nhân: Phải có bản sao hợp lệ chứng minh thư nhân dân, hộ chiếu; Sổ hộ khẩu gia đình hoặc xác nhận đăng ký tạm trú của công an phường, xã nơi đăng ký tạm trú.

- Đối với pháp nhân: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp đơn khởi kiện; Quyết định bổ nhiệm người đại diện theo pháp luật; Điều lệ tổ chức và hoạt

động; Giấy phép hoạt động (Đối với các ngành nghề kinh doanh có giấy phép riêng); Văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật cho người được ủy quyền; CMND hoặc hộ chiếu của người ủy quyền và người được ủy quyền.

- Đối với các tranh chấp phát sinh từ hoạt động của chi nhánh: Quyết định thành lập chi nhánh; Đăng ký kinh doanh chi nhánh; Quyết định bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh; Quy chế hoạt động của chi nhánh.

- Giấy chứng nhận bảo hiểm;

- Biên lai thu phí bảo hiểm;

- Hồ sơ sự kiện bảo hiểm;

- Biên bản quyết toán, thanh lý hợp đồng (nếu có);

- Biên bản đối chiếu, xác nhận công nợ (nếu có);

- Các công văn đòi nợ; Các công văn khất nợ, giãn nợ (nếu có);

- Các tài liệu chứng minh cho yêu cầu phạt vi phạm, đòi bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng (nếu có).

*Lưu ý:* Khi thụ lý vụ án tranh chấp hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, nhiều Tòa án trả lại đơn khởi kiện cho đương sự vì quá thời hiệu 03 năm quy định tại Điều 30 Luật Kinh doanh bảo hiểm “kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp” là không đúng với quy định tại Điều 184 và Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng dân sự là 03 năm kể từ ngày người yêu cầu biết hoặc phải biết quyền lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm.

Đề nghị tại Hội thảo ngày hôm nay, Tòa án nhân dân tối cao nên có Nghị quyết hướng dẫn áp dụng thống nhất công tác xét xử các vụ án tranh chấp về bảo hiểm trong đó có quy định về thời hiệu.

## *2. Về xác định nội dung tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự*

Tại khoản 12 Điều 3 Luật Kinh doanh bảo hiểm đã xác định **bảo hiểm nhân thọ** là loại nghiệp vụ bảo hiểm cho trường hợp người được bảo hiểm sống hoặc chết. Tại Điều 31 của Luật này quy định đối tượng của hợp đồng bảo hiểm con người là tuổi thọ, tính mạng, sức khỏe và tai nạn con người, bên mua bảo hiểm chỉ có thể mua bảo hiểm cho bản thân bên mua bảo hiểm; vợ, chồng, con, cha, mẹ của bên mua bảo hiểm; anh, chị, em ruột; người có quan hệ nuôi dưỡng và cấp dưỡng và người khác, nếu bên mua bảo hiểm có quyền lợi có thể được bảo hiểm.

Khi xảy ra tranh chấp và nguyên đơn khởi kiện ra Tòa án yêu cầu được nhận tiền bảo hiểm, Tòa án phải xác định người khởi kiện có quyền khởi kiện hay không (nếu người khởi kiện thuộc trường hợp người tham gia bảo hiểm chết hoặc mất khả năng nhận thức hành vi dân sự). Trong trường hợp này, Thẩm phán được phân công xử lý đơn

khởi kiện phải căn cứ vào các quy định của Bộ luật Dân sự để xác định hàng thừa kế, người đại diện theo pháp luật để chấp nhận hay không chấp nhận tư cách khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với doanh nghiệp bảo hiểm, thông thường người đại diện theo pháp luật không trực tiếp tham gia tố tụng, do vậy việc ủy quyền phải được làm bằng văn bản do người đại diện theo pháp luật ký và có chữ ký của người nhận ủy quyền. Nội dung ủy quyền phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật dân sự và hướng dẫn của Tòa án nhân dân tối cao về vấn đề này.

### *3. Về hình thức hợp đồng bảo hiểm và cách đánh giá tài liệu chứng cứ trong các vụ án về tranh chấp hợp đồng bảo hiểm nhân thọ*

Tại Điều 14 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định về hình thức hợp đồng bảo hiểm phải được lập thành văn bản như hợp đồng bảo hiểm hay giấy chứng nhận bảo hiểm. Ngoài ra, Tòa án còn có thể xem xét các tài liệu, giấy tờ khác được Luật quy định là bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm như đơn bảo hiểm, điện báo, telex, fax và các hình thức khác do pháp luật quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán khi xem xét các yêu cầu đòi tiền bảo hiểm, chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn liên quan đến các khoản tiền về bảo hiểm, cần chú ý đến một số nội dung như sau:

- Xác định thông tin về đối tượng được bảo hiểm là đúng sự thật hay không là điều khó khăn nhất đối với các Thẩm phán, điều này rất quan trọng trong việc Tòa án quyết định chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi tiền bảo hiểm. Ví dụ: người mua bảo hiểm mà trước đó đã biết trước mình bị bệnh ung thư hay một trong các bệnh hiểm nghèo khác nhưng vẫn dấu thông tin nhằm mục đích chiếm đoạt tiền bảo hiểm... Tại khoản 2, 3 Điều 19, Điều 22 Luật Kinh doanh bảo hiểm cho phép loại trừ trách nhiệm trả tiền bảo hiểm trong trường hợp này cho doanh nghiệp bảo hiểm. Có 02 hậu quả pháp lý khác nhau cho cùng một hành vi lừa dối, cung cấp thông tin sai sự thật khi giao kết hợp đồng. Theo nguyên tắc chung của pháp luật dân sự thì nếu có hành vi lừa dối khi giao kết hợp đồng thì hợp đồng đó là vô hiệu vì đã không tuân thủ nguyên tắc trung thực khi giao kết, do đó không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập, các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận... và bên có lỗi gây thiệt hại phải bồi thường.

Do Luật Kinh doanh bảo hiểm đang có hai chế tài khác nhau cho cùng một vi phạm của bên mua bảo hiểm khi tham gia bảo hiểm là tại khoản 2 Điều 19 quy định doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm và thu phí bảo hiểm đến thời điểm đình chỉ khi bên mua bảo hiểm vi phạm nghĩa vụ cung

cấp thông tin, trong khi đó điểm d khoản 1 Điều 22 quy định hợp đồng vô hiệu khi bên mua bảo hiểm có *hành vi lừa dối* khi giao kết hợp đồng bảo hiểm (hành vi “cố ý cung cấp thông tin sai sự thật” và “lừa dối” có ranh giới không thật sự rõ ràng).

Chính vì Luật Kinh doanh bảo hiểm có hai quy định không thống nhất như vậy điều khoản của các doanh nghiệp cũng không thống nhất về chế tài xử lý hành vi che giấu thông tin của bên mua bảo hiểm. Trong thực tiễn xét xử, Tòa án thường thiên về áp dụng Điều 22 đối với hành vi lừa dối khi giao kết hợp đồng bảo hiểm. Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao sớm ban hành Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán giải thích rõ hơn hoặc thống nhất cách áp dụng các Điều 19 và Điều 22 của Luật Kinh doanh bảo hiểm để đảm bảo công bằng cho người tham gia bảo hiểm trên thị trường.

#### *4. Một số quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm cần được nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp*

- Khoản 2 Điều 20 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định về việc thay đổi mức độ rủi ro được bảo hiểm khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm, dẫn đến tăng các rủi ro được bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm có quyền tính lại phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp bên mua bảo hiểm không chấp nhận tăng phí bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm, nhưng phải thông báo ngay bằng văn bản cho bên mua bảo hiểm.

Đối với lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, có một số yếu tố có thể làm thay đổi cơ sở tính phí bảo hiểm, ví dụ thay đổi tình trạng sức khỏe không do yếu tố chủ quan của khách hàng (do ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu...). Vì vậy, nếu áp dụng quy định này đối với bảo hiểm nhân thọ thì sẽ bất lợi hơn cho khách hàng tham gia bảo hiểm (vì với một cá nhân sẽ khó có thể duy trì tình trạng sức khỏe tích cực theo thời gian dài). Do đó, đề xuất xem xét lại phạm vi áp dụng của quy định này vì phù hợp với bảo hiểm phi nhân thọ nhiều hơn.

- Khoản 1 Điều 24 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định về hậu quả của việc chấm dứt hợp đồng bảo hiểm, thì trong trường hợp chấm dứt hợp đồng bảo hiểm theo quy định tại khoản 1 Điều 23, doanh nghiệp bảo hiểm phải hoàn lại phí bảo hiểm cho bên mua bảo hiểm tương ứng với thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm mà bên mua bảo hiểm đã đóng phí bảo hiểm, sau khi đã trừ các chi phí hợp lý có liên quan đến hợp đồng bảo hiểm. Tuy nhiên, hệ quả này chỉ đúng với bảo hiểm phi nhân thọ, còn bảo hiểm nhân thọ đóng phí định kỳ, không có phí đóng trước nên quy định này không áp dụng được trên thực tế.

- Điều 26 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định về chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm, thì việc chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm chỉ có hiệu lực trong trường hợp bên

mua bảo hiểm thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp bảo hiểm về việc chuyển nhượng và doanh nghiệp bảo hiểm có văn bản chấp thuận việc chuyển nhượng đó. Quy định về chuyển nhượng hợp đồng bảo hiểm hiện nay khá chung chung Vì vậy, đề xuất xem xét sửa đổi lại quy định này để làm rõ.

- Điều 34 Luật Kinh doanh bảo hiểm quy định về thông báo tuổi trong bảo hiểm nhân thọ, trong trường hợp bên mua bảo hiểm thông báo sai tuổi của người được bảo hiểm, nhưng tuổi đúng của người được bảo hiểm không thuộc nhóm tuổi có thể được bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm có quyền huỷ bỏ hợp đồng bảo hiểm và hoàn trả số phí bảo hiểm đã đóng cho bên mua bảo hiểm sau khi đã trừ các chi phí hợp lý có liên quan. Trong trường hợp hợp đồng bảo hiểm đã có hiệu lực từ hai năm trở lên thì doanh nghiệp bảo hiểm phải trả cho bên mua bảo hiểm giá trị hoàn lại của hợp đồng bảo hiểm. Quy định doanh nghiệp bảo hiểm phải trả lại giá trị hoàn lại khi hợp đồng có hiệu lực 2 năm có nghĩa là công nhận hợp đồng vẫn có hiệu lực. Hơn nữa, không phải hợp đồng nào cũng giá trị hoàn lại sau 02 năm và điều này bất lợi cho khách hàng tham gia bảo hiểm (vì giá trị hoàn lại sau 02 năm thường rất nhỏ so với số phí bảo hiểm đã đóng). Vì vậy, đề xuất xem xét sửa đổi lại quy định này theo hướng trong mọi trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm sẽ hoàn phí cho khách hàng.



**SOURCE: HỘI THẢO “PHÁP LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG LĨNH VỰC BẢO HIỂM NHÂN THỌ”, TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO, NGÀY 25/5/2018. PHÚ QUỐC, KIÊN GIANG**